

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 2159/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDHN22, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 1252/SNNMT-CCBVM ngày 11/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,87ha) tại mỏ TDHN22, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,87ha) tại mỏ TDHN22, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 35/CV-HP ngày 18/9/2025 của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 377/TTr-SNNMT ngày 24/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,87ha) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ TDHN22, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo

vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- Chủ dự án;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND P. Hoài Nhơn;
- Lưu: VT, N4. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 2,87HA) TẠI
MỎ TDHN22 PHƯỜNG HOÀI NHƠN, TỈNH GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG HOÀNG PHÁT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,87ha).
- Địa điểm thực hiện: tại mỏ TDHN22, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát.
- Địa chỉ liên hệ: Khu phố Phụng Du 2, phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0983834095.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,87ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của UBND tỉnh Bình Định là 199.602 m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 180.979 m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 03 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

- + Năm thứ 1: 50.979 m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 2: 65.000 m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 3: 65.000 m³ đất địa chất/năm.

(Toàn bộ khối lượng đất khai thác phải được cung cấp cho các công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự và phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ cos +35m phía Đông Nam mỏ (gần điểm góc số 6), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới vừa khai thác vừa mở rộng khai trường, kết thúc khai thác, địa hình mỏ có cao độ +23 (mức sâu nhất theo bình đồ phân khối trữ lượng ban hành kèm theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh). Sử dụng máy đào dung tích gầu 1,25m³ để khai thác và xe 12

tấn để vận chuyển đất đến công trình. Xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ 01 hồ giảm tốc (phía Tây Bắc).

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ (phía Đông, phía Bắc) có tổng chiều dài 220m; mương thoát nước mưa từ hồ giảm tốc phía Tây Bắc ra mương dọc tuyến đường hiện trạng có chiều dài 50m (rộng 2m x sâu 1m); mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 448m.

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ: Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng từ mỏ đến đường hiện trạng có chiều dài khoảng 345m.

+ Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc 02 bên tuyến đường) có chiều dài khoảng 224m.

- Mương rửa kết hợp vòi xịt rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0m x rộng 3,0m x sâu 0,5m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Bắc nằm trong ranh giới mỏ (gần điểm góc số 4), diện tích khoảng 800m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,56 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp

chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 3.268 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 3,1ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 220m (kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có chiều dài 224m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc phía Tây Bắc ra mương dọc tuyến đường hiện trạng dài 50m (kích thước: rộng 2m x sâu 1m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc phía Tây Bắc (tọa độ 1.603.786; 587.170), thể tích khoảng 507m³ (diện tích 169m², sâu 3m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam và Đông → mương thu nước phía Đông và Bắc → hố giảm tốc phía Tây Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sạt lở) → mương thoát nước ngoài mỏ → mương dọc tuyến đường hiện trạng.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây → mương dọc tuyến đường nội bộ → cống ngầm qua đường → mương thu nước phía Bắc → hồ giảm tốc phía Tây Bắc mở (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mở → mương dọc tuyến đường hiện trạng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (từ mỏ ra đến điểm kết nối đường Bà Triệu) và đoạn đầu đường Bà Triệu nối với tuyến đường đất ra khỏi mỏ (dài 500m về hai phía) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
2.	San gạt đất mặt bằng mỏ	m ³	2.583	Tạo bề mặt bằng phẳng về phía Tây Bắc (hạ lưu) thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó.
3.	San lấp mương thu gom nước mưa và hố giảm tốc	m ³	1.158,3	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ công thoát nước	cái	2		
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	2,87	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác.
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	2,87	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II Ngoài khu vực khai thác					
1.	Cải tạo tuyến đường từ mỏ ra đến đường Bà Triệu có chiều dài 345m.	m ³	517,5	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động đi lại	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **474.000.000 đồng** (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 118.500.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 177.750.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.